

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML24B1
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lãnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
01	2455202050531	Nguyễn Thanh Gia An	30/12/2009	8.3	6.4	6.6	7.9	7.7	7.6	Khá
02	2455202050532	Nguyễn Huỳnh Quốc Anh	18/04/2009	6.8	9.9	5.7	5.8	0.9	3.9	Yếu
03	2455202050533	Lê Chí Bảo	16/09/2009	0.0	1.9	0.4	0.0	0.1	0.1	Yếu
04	2455202050534	Trần Duy Phước Bảo	29/03/2009	8.7	9.2	7.1	7.8	8.1	7.8	Khá
05	2455202050535	Lâm Khánh Duy	07/01/2009	8.3	5.9	7.2	7.1	5.6	6.5	Trung bình
06	2455202050536	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	09/11/2009	6.7	6.0	5.7	7.2	7.4	7.0	Khá
07	2455202050537	Nguyễn Thành Đạt	26/08/2009	5.0	7.0	4.3	6.4	0.0	3.6	Yếu
08	2455202050538	Lê Hải Đăng	06/10/2009	5.0	9.2	5.7	5.8	0.0	3.6	Yếu
09	2455202050539	Lê Hồng Đây	27/08/2009	6.1	9.9	6.0	5.2	2.9	4.4	Yếu
10	2455202050540	Nguyễn Hà Hiếu	09/08/2008	3.5	4.0	3.3	3.3	0.0	2.0	Yếu
11	2455202050541	Phạm Tuấn Huy	09/04/2008	6.4	9.8	6.1	5.8	0.0	3.6	Yếu
12	2455202050543	Nguyễn Hoàng Khải	24/07/2009	6.8	9.8	6.4	5.3	0.0	3.4	Yếu
13	2455202050545	Bùi Tuấn Khang	09/09/2009	7.8	9.9	6.6	6.8	7.1	6.9	Trung bình
14	2455202050546	Huỳnh Hữu Kháng	21/10/2009	8.1	6.0	7.8	3.9	6.2	5.4	Trung bình
15	2455202050547	Phan Lê Bảo Khanh	03/10/2009	8.3	10.0	6.8	8.0	5.8	7.0	Khá
16	2455202050548	Nguyễn Anh Khoa	23/02/2009	8.1	9.3	6.1	7.3	5.0	6.2	Trung bình
17	2455202050549	Nguyễn Liêu Nhựt Mỹ	06/04/2009	7.9	9.9	9.1	7.9	8.6	8.4	Giỏi
18	2455202050551	Trần Hoàng Nguyên	09/03/2009	9.0	5.6	7.6	8.3	8.6	8.3	Giỏi
19	2455202050552	Trương Thanh Phát	15/08/2009	3.1	3.0	2.7	6.4	0.0	3.4	Yếu
20	2455202050553	Nguyễn Kim Thanh Phong	23/02/2009	5.5	8.4	5.8	6.8	7.2	6.8	Trung bình
21	2455202050554	Võ Huỳnh Thanh Phúc	16/06/2009	8.2	9.4	6.5	7.3	5.3	6.4	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lạnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
22	2455202050555	Nguyễn Vũ	Phương	07/05/2009	2.5	3.1	2.7	6.4	0.0	3.4	Yếu
23	2455202050557	Bùi Hữu	Thanh	17/11/2009	5.3	9.4	6.1	6.9	5.0	6.0	Trung bình
24	2455202050558	Nguyễn Xuân	Thắng	07/11/2009	7.1	9.2	7.0	8.8	8.4	8.4	Giỏi
25	2455202050559	Phạm Hồng	Thắng	15/11/2009	5.1	6.9	7.1	6.4	7.1	6.8	Trung bình
26	2455202050560	Võ Ngọc	Thiệu	27/10/2009	0.0	3.1	0.4	0.0	0.0	0.1	Yếu
27	2455202050561	Lê Quốc	Thịnh	20/08/2008	6.7	7.3	7.3	7.4	6.8	7.2	Khá
28	2455202050562	Trần Lê Bảo	Toàn	28/07/2009	6.2	10.0	6.1	5.9	0.0	3.7	Yếu
29	2455202050563	Võ Ngọc	Tốt	16/04/2009	7.4	9.7	7.3	7.1	2.9	5.5	Trung bình
30	2455202050564	Mai Quang	Tuấn	08/01/2009	7.2	8.8	5.8	6.0	6.9	6.3	Trung bình
31	2455202050566	Nguyễn Quang Triều	Vỹ	16/04/2009	6.3	8.1	6.3	6.4	7.4	6.8	Trung bình

*Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 11 tháng 8 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái